

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST

Ngày: 26 - 4 - 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Thái

Bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên
tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên
Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2022/TLST-DS ngày
05 tháng 12 năm 2022 về việc Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa các
đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đình Đ**

Địa chỉ: Số nhà X, tổ dân phố Y, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Xuân K**; Địa chỉ: Số nhà X, tổ dân
phố Y, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày
14/11/2022) (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hương L**

Địa chỉ: Số nhà X, tổ dân phố Y, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại
phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Đ và bà L là chỗ quen biết. Ngày 26/9/2019 ông Đ có cho bà L vay số tiền
60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng. Hai bên có làm Hợp đồng vay tiền, trong đó thỏa
thuận: lãi suất 1,5%/tháng, đến ngày 30/12/2019 bà L sẽ thanh toán đầy đủ tiền gốc và
lãi. Đến hạn trả nợ, mặc dù ông Đ đã đòi nhiều lần nhưng cho đến nay bà L mới trả

được 3.500.000 đồng tiền lãi nên ông Đ khởi kiện: yêu cầu bà L phải trả số tiền gốc là 60.000.000 đồng và số tiền lãi là 30.000.000 đồng (đã làm tròn). Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý giảm tiền lãi cho bị đơn, yêu cầu bị đơn chỉ phải trả 10.000.000 (Mười triệu) đồng tiền lãi và phải trả lãi nếu chậm thi hành án.

2. Ý kiến của bị đơn:

Quá trình giải quyết vụ án bà L trình bày: Bà L có vay tiền của ông Đ, thừa nhận chữ ký, chữ viết trong Hợp đồng vay tiền ngày 26/9/2019 do ông Đ giao nộp là chữ ký, chữ viết của bà L. Trong hợp đồng số tiền vay là 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, thực tế bà L chỉ được nhận số tiền 20.000.000 đồng, còn số tiền 40.000.000 đồng chỉ có bà L và ông Đ hiểu. Bà L cho rằng khoản tiền này có liên quan đến người thứ ba nhưng bà L từ chối cung cấp thông tin về người này. Khi vay tiền hai bên có thỏa thuận thời hạn trả tiền là ngày 30/12/2019, lãi suất là 1,5%/tháng, không thỏa thuận lãi trong trường hợp chậm trả. Mục đích vay tiền để chi tiêu, trang trải cho cá nhân bà L, không có mục đích vay để dùng chung cho gia đình. Hiện bà L mới trả được tiền lãi đến hết năm 2022 và ngày 20/01/2023 bà L trả được cho ông Đ thêm 1.000.000 đồng tiền lãi nhưng do bà L tin tưởng trả trực tiếp mà không làm giấy tờ nên không có chứng cứ để nộp cho Tòa. Bà L chỉ đồng ý trả cho ông Đ 20.000.000 đồng tiền gốc, không đồng ý trả số tiền 40.000.000 đồng và cũng không đồng ý với yêu cầu trả lãi quá hạn của ông Đ vì hiện tại bà L đang gặp khó khăn, đang phải đi thuê nhà.

Tại phiên tòa, bà L đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Bà L xin ông Đ giảm cho bà 20.000.000 đồng tiền lãi vì hiện nay bà rất khó khăn. Bà L không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Tuy nhiên, Thẩm phán tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn, bị đơn nhưng không thông báo cho các đương sự biết để họ thực hiện quyền được ghi chép, sao chụp tài liệu và cũng chưa công khai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là vi phạm khoản 5 Điều 97/BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 68, 70, 71, 72/BLTTDS. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 bị đơn vắng mặt, lần 2 nguyên đơn vắng mặt. Tại phiên đối chất ngày 27/3/2023 bị đơn vắng mặt.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản Điều 39/BLTTDS; Điều 117, 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Đ, buộc bà Nguyễn Thị Hương L

phải trả cho ông Đ số tiền gốc 60.000.000 và 10.000.000 đồng tiền lãi, tính từ ngày 26/9/2019 đến ngày khởi kiện.

Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; điểm d khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu miễn án phí đối với bà L. Trả lại cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Đề nghị Thẩm phán thực hiện nghiêm việc thông báo việc thu thập tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo đúng quy định tại Điều 195/BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện đòi số tiền đã vay đối với bị đơn có nơi cư trú tại phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên do đó đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản Điều 39/BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 26/9/2019, có căn cứ xác định: Ông Đ có cho bà Liên vay số tiền 60.000.000 đồng. Hai bên có thỏa thuận: lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 30/12/2019.

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền gốc:

Quá trình giải quyết các đương sự còn chưa thống nhất được số tiền gốc. Theo bà L: "Trong hợp đồng ghi tôi vay của ông Đ số tiền 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, thực tế tôi chỉ được nhận số tiền 20.000.000 đồng, còn số tiền 40.000.000 đồng chỉ có tôi và anh Đ hiểu, tôi cũng không muốn nói rõ ở đây. Tuy nhiên, tôi không có chứng cứ gì về việc này. ..." Tại phiên tòa bà L cho rằng số tiền 40.000.000 đồng có liên quan đến người thứ ba nhưng không cung cấp thông tin và không có chứng cứ về việc này. Sau đó, bà L đồng ý với việc có vay của ông Đ số tiền 60.000.000 đồng tiền gốc.

Trên cơ sở Hợp đồng có chữ ký, chữ viết của hai bên, hợp đồng vay tiền được lập trên cơ sở tự nguyện, hai bên đều có đủ năng lực hành vi dân sự nên Hợp đồng hợp pháp. Tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận được vay, nhận số tiền ghi trong hợp đồng. Vì vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc.

[2.2] Đối với yêu cầu trả lãi: Trong hợp đồng vay tiền hai bên có thỏa thuận: lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ ngày 30/12/2019. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi là có cơ sở. Thời hạn tính lãi do nguyên đơn tự nguyện làm tròn (giảm) có lợi cho bị đơn và mức lãi suất phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Nguyên đơn khẳng định bị đơn mới trả được 3.500.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, do khi khởi kiện nguyên đơn đã làm tròn số nên số tiền bị đơn đã trả không vượt quá số tiền lãi phải trả nên nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu đối với tiền lãi. Bị đơn

khẳng định đã trả lãi đến hết năm 2022 và ngày 20/01/2023 trả thêm 1.000.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, không có chứng cứ về việc này.

Tại phiên tòa, bị đơn đồng ý trả tiền lãi cho nguyên đơn tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên xin nguyên đơn bớt cho 20.000.000 đồng tiền lãi và được nguyên đơn chấp nhận. Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn phải trả 10.000.000 đồng tiền lãi. Việc các bên tự nguyện giảm lãi cho nhau là tự nguyện, không trái đạo đức pháp luật. Việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, có lợi cho bị đơn, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244/BLTTDS, HĐXX chấp nhận.

Như vậy, có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147/BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, do bị đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 HĐXX chấp nhận miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Hương L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đình Đ tổng số tiền là 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng. Trong đó: Tiền gốc là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng và tiền lãi là: 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Hương L.

Trả lại cho ông Nguyễn Đình Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.250.000 (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002088 ngày 02/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/4/2023).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ